

**I. Nội dung giới hạn: Unit 6 – Unit 7 1.Vocabulary: Unit 6 - Unit 7**

**II. Listening: Unit 6 - Unit 7**

- Unit 6- Lesson 1 – P.46 (CD2 track 02)
- Unit 6- Lesson 3 – P.52 (CD2 track 10)
- Unit 7- Lesson 1 – P.54 (CD2 track 14)
- Unit 7- Lesson 3 – P.60 ((CD2 track 60)

**III. Grammar:**

- Mạo từ: a, an, the
- Giới từ chỉ nơi chốn, thời gian
- Câu mệnh lệnh
- Thì quá khứ đơn của động từ To be

**IV. Word form:**

1. recycle (v)-recycling (a)
2. use(v)-useful(a) – reuse (v)
3. good-better (a)
4. charity (n)- charitable(a)
5. donate (v)-donation (n)
6. real (n)-really (adv)
7. environment (n)-environmental (a)
8. serve (v)- service (n)
9. comedy (n)-comedian (n)
- 10.action(n)- actor, actress, acting
- 11.drama (n)-dramatic (a)
- 12.animated (a)-animation (n)
- 13.fantastic (a)-fantasy (n)
- 14.fun (n)-funny (a)
- 15.excite (v)- exciting/excited (a)
- 16.bore (v)- bored/boring (a)
- 17.lead (v)-leader (n)

- 18. invade (v)-invader (n)
- 19. scare (v)- scary(a)
- 20. history (n)- historical (a)

**V. Đoạn văn:**

- 1. Act green /p53
- 2. Quang Trung/p61
- 3. Picture Day/p57

**VI. Rewrite:**

**1. Câu đề nghị:**

- Would you like + to V?
- = How about + Ving?
- = Let's (let us) + V<sub>0</sub>?
- = What about + Ving?
- = Why don't we + V<sub>0</sub>?
- = Do you want + to V?

**2. The \_\_\_\_\_ + is + giới từ vị trí + the \_\_\_\_\_.**

↔ **There is + a + \_\_\_\_\_ + giới từ vị trí + the \_\_\_\_\_.**

Ex: The zoo is next to the movie theater.

→ There is a movie theater next to the zoo.

**3. Cụm danh từ**

Ex: The movie was exciting.

→ It's an exciting movie.

**4. Tính từ trái nghĩa:**

Ex: The film is **not exciting**.

→ The film is **boring**.

**5. Look after = take care of + Ving: chăm sóc**

Ex: You should look after your younger sister.

→ You should **take care of your younger sister**.

